

Số: *11* /BC-UBND

Kim Động, ngày *24* tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới Quý 1 năm 2021

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới. Ủy ban nhân dân huyện báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới Quý 1 năm 2021 như sau:

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Ban hành văn bản chỉ đạo các xã đăng ký phấn đấu hoàn thành xã NTM nâng cao, xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 và xây dựng các khu dân cư NTM kiểu mẫu, khu dân cư kiểu mẫu về môi trường, đồng thời tiếp tục rà soát, đánh giá mức độ đạt và duy trì các tiêu chí trong xây dựng NTM trong khi chờ hướng dẫn của các cấp, ngành.

Xây dựng và ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2021, kế hoạch thực hiện Chương trình OCOP của huyện năm 2021 và giai đoạn 2021-2025. Chỉ đạo các xã, thị trấn phân loại, đánh giá tình hình phân loại HTX năm 2020, thực hiện chính sách khuyến khích, thúc đẩy phát triển HTX, THT và phát triển cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp năm 2021. Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển làng nghề tỉnh Hưng Yên năm 2021.

Chỉ đạo các đơn vị, các xã, thị trấn rà soát các công trình giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội để kịp thời tiến hành xây mới, sửa chữa, nâng cấp, đảm bảo các chỉ tiêu, tiêu chí đã đề ra.

2. Công tác tuyên truyền, vận động

Toàn huyện đã tổ chức được hơn 10 Hội nghị chuyên đề và lồng ghép về xây dựng nông thôn mới (*Hội nghị của các Hội, Đoàn thể của huyện, Đảng ủy các xã, các Hội, Đoàn thể*) tuyên truyền những nội dung về Chương trình xây dựng nông thôn mới, công tác vệ sinh môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm ở nông thôn và xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh theo tiêu chí nông thôn mới.

Ban chỉ đạo huyện đã chỉ đạo Đài Truyền thanh huyện tiếp tục duy trì xây dựng và phát sóng 2 lượt chuyên mục "*Xây dựng nông thôn mới*"/tháng (trong các chương trình Thứ sáu - tuần đầu và Thứ ba - tuần cuối tháng) với thời lượng từ 5-7 phút/ chuyên mục. Trong các chương trình phát thanh của đài thường xuyên cập nhật tin, bài phản ánh về thực tế xây dựng nông thôn mới, phong trào, hoạt động thiết thực của các địa phương, ngành, đoàn thể chung sức XDNTM.

Nội dung tuyên truyền chủ yếu:

- Các văn bản chỉ đạo, cơ chế, chính sách về XDNTM; các Chương trình, dự án phát triển kinh tế, xã hội, sản xuất...

- Những nội dung của tiêu chí XD khu dân cư kiểu mẫu, xã NTM kiểu mẫu, NTM nâng cao, khu dân cư kiểu mẫu về môi trường;

- Phản ánh thực tế XDNTM của các địa phương; biểu dương những tập thể, cá nhân có cách làm hay, sáng tạo trong XDNTM; những mô hình tiêu biểu, hiệu quả ở từng lĩnh vực; gương người tốt, việc tốt hưởng ứng phong trào “Toàn dân đoàn kết XDNTM, đô thị văn minh”.

- Đề cập một số khó khăn, hạn chế trong XDNTM ở một số địa phương trong thực hiện mục tiêu xây dựng xã NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu.

Trong Quý 1 năm 2021, Đài truyền thanh huyện đã xây dựng được 06 chuyên mục “*Xây dựng nông thôn mới*” và hơn 150 tin, bài tuyên truyền, phản ánh về công tác XDNTM trên địa bàn. Tiếp tục phối hợp với Đài PT-TH tỉnh chỉnh sửa, hoàn thiện phim tư liệu phục vụ hồ sơ đề nghị công nhận huyện đạt chuẩn NTM. Ngoài ra, Đài truyền thanh huyện còn phối hợp với các CQ báo chí trong tỉnh đưa tin về công tác XDNTM trên địa bàn; cung cấp tin, bài, ảnh về XDNTM đăng trên Cổng Thông tin điện tử huyện; kiểm tra, hướng dẫn đài truyền thanh các xã, thị trấn thực hiện nghiêm túc công tác tiếp âm sóng đài truyền thanh huyện, nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền về XDNTM ở cơ sở.

3. Về huy động nguồn lực

- Kết quả giải ngân thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới toàn huyện Quý 1 năm 2021 là: 124 tỷ 059,115 triệu đồng. Trong đó: ngân sách tỉnh: 4 tỷ 318,022 triệu đồng; ngân sách huyện: 6 tỷ 698,5 triệu đồng; ngân sách xã: 33 tỷ 775,593 triệu đồng; vốn dân tự thực hiện: 65 tỷ 267 triệu đồng; vốn doanh nghiệp: 1 tỷ 500 triệu đồng; vốn tín dụng: 12 tỷ 500 triệu đồng. Cụ thể:

+ Đầu tư làm đường giao thông: 15 tỷ 649 triệu đồng;

+ Đầu tư làm mới, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi: 4 tỷ 131 triệu đồng.

+ Đầu tư xây dựng, sửa chữa trường học: 8 tỷ 690 triệu đồng.

+ Đầu tư nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất văn hóa: 13 tỷ 237 triệu.

+ Nhà ở dân cư: 62 tỷ 500 triệu đồng;

+ Đầu tư, hỗ trợ khác; 17 tỷ 831,615 triệu đồng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG XÂY DỰNG NTM

1. Công tác lập quy hoạch và cắm mốc chỉ giới

- 16/16 xã có Quy chế quản lý theo quy hoạch được UBND huyện phê duyệt lồng ghép trong thuyết minh quy hoạch nông thôn mới làm cơ sở triển khai, quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt cũng như thu hút các dự án đầu tư; 100% xã đã tổ chức công bố Đồ án Quy hoạch, Đề án xây dựng nông thôn mới và tích cực triển khai thực hiện công tác cắm mốc chỉ giới theo quy hoạch được duyệt tại các khu trung tâm, các trục đường chính trong xã và một số công trình quan trọng, dễ bị lấn chiếm. Việc rà soát, bổ sung quy hoạch được các xã tiến hành điều chỉnh hàng năm theo quy định.

- Đến nay các xã đã thực hiện tương đối hoàn thiện đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới được UBND huyện phê duyệt. Các tuyến đường giao thông được nâng cấp, mở rộng cơ bản theo đúng cấp đường quy hoạch, 16/16 xã xây dựng hoàn thiện trụ sở UBND xã, nhà văn hóa xã có vị trí, diện tích theo đúng quy hoạch được phê duyệt. Các công trình phúc lợi như trạm y tế, trường học được mở rộng xây dựng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Bộ Y tế.

- Huyện đã có Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kim Động đến năm 2035 và đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2637/QĐ-UBND ngày 19/11/2019; sau khi Quy hoạch vùng huyện Kim Động đến năm 2035 được phê duyệt UBND huyện đã tổ chức công bố công khai quy hoạch trên các phương tiện thông tin đại chúng tại UBND huyện. Quy hoạch vùng huyện Kim Động đến năm 2035 đảm bảo yêu cầu về nội dung nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng theo quy định tại: Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; đảm bảo đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp và yêu cầu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2021.

2. Về đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội

2.1. Xây dựng hệ thống đường giao thông nông thôn

Trong Quý 1 năm 2021 đã đầu tư xây dựng, nâng cấp sửa chữa được 13,01 km đường giao thông với tổng số tiền là 15 tỷ 649 triệu đồng. Trong đó:

+ Nâng cấp, sửa chữa 1,7 km đường ĐH 70 (đoạn từ xã Nhân La đến cầu Mạ xã Vũ Xá), 1,5 km đường ĐH 73 (đoạn từ xã Đồng Thanh đến ĐH 59B xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu) với kinh phí 1 tỷ 305 triệu đồng.

+ Nâng cấp, cải tạo và sửa chữa 2,44 km đường trục xã với kinh phí 4 tỷ 631 triệu đồng; 0,92 km đường trục thôn và 0,39 km đường ngõ xóm với kinh phí 1 tỷ 988 triệu đồng;

+ Nâng cấp, cải tạo và sửa chữa 6,06 km đường trục chính nội đồng với kinh phí 7 tỷ 39 triệu đồng.

2.2. Về Thủy lợi

Nâng cấp, sửa chữa 37 trạm bơm các loại với kinh phí 400 triệu đồng, xây mới 02 cống và nạo vét kênh mương, sửa chữa cống các loại với tổng kinh phí 3 tỷ 731 triệu đồng

2.3. Về Trường học

Nâng cấp, cải tạo và sửa chữa 22 phòng học trường THCS, 08 phòng học và 02 công trình phụ trợ trường mầm non, 01 công trình phụ trợ trường tiểu học với tổng số tiền là 8 tỷ 690 triệu đồng.

Đến nay toàn huyện có 07 xã, thị trấn có 3 cấp học đạt chuẩn quốc gia; có 05 xã có 2 cấp học đạt chuẩn quốc gia; có 05 xã có 1 cấp học đạt chuẩn quốc gia. Như vậy hết Quý 1/2021 toàn huyện có 37/51 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 72,55%, trong đó: mầm non có 13/17 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 76,5%, tiểu học có 16/17 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 94,1%, trung học cơ sở có 8/17 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 47%. Trong thời gian tới các trường đang tiếp tục huy động mọi nguồn lực tiếp tục đầu tư, hoàn thiện các hạng mục cơ sở vật chất phần đầu được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định.

2.4. Về cơ sở vật chất văn hóa

Tiếp tục hoàn thiện 01 nhà văn hóa xã Thọ Vinh, cải tạo, nâng cấp và sửa chữa 08 nhà văn hóa thôn, 01 công trình phụ trợ nhà văn hóa xã và 02 công trình phụ trợ nhà văn hóa thôn với tổng kinh phí 13 tỷ 237 triệu đồng. Ngoài ra, nâng cấp, cải tạo và sửa chữa các công trình văn hóa tâm linh: đình, chùa, miếu mạo,... với tổng kinh phí 4 tỷ 515 triệu đồng chẵn.

2.5. Về Nhà ở dân cư

Các hộ dân tự đầu tư xây dựng mới và nâng cấp sửa chữa được 68 nhà đạt chuẩn theo quy định của Bộ xây dựng với tổng số tiền là 62 tỷ 500 triệu đồng.

3. Phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân

3.1. Thực hiện các đề án, dự án phát triển sản xuất và tổ chức sản xuất

Tiếp tục thực hiện đề án “Chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, gắn với phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa chất lượng, hiệu quả cao” và xây dựng Chương trình, đề án ứng dụng khoa học công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng gắn với sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Rà soát, tổng hợp các vùng đăng ký cấp giấy chứng nhận VietGAP trên địa bàn huyện; Các xã cũng đang tích cực triển khai thực hiện định hướng, hướng dẫn các hộ nông dân chuyển đổi đất lúa theo sự phân bổ của UBND tỉnh và quyết định phê duyệt của UBND huyện, nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp.

3.2. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả

- Huyện có 31 hợp tác xã và 33 tổ hợp tác hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, doanh thu bình quân đạt 4,9 tỷ đồng/hợp tác xã/năm, 3,2 tỷ đồng/tổ hợp tác/năm lợi nhuận bình quân đạt 1,6 tỷ đồng/hợp tác xã/năm; 1,2 tỷ đồng/tổ hợp tác/năm. Trên địa bàn huyện hiện có hơn 1.700 trang trại, gia trại (trong đó, có 326 trang trại đạt doanh thu từ 500 triệu đồng/năm trở lên; 56 trang trại đã được cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại); một số trang trại có lợi nhuận cao từ 1-3 tỷ

đồng/năm như: trang trại ông Ngô Đức Thắng tại xã Phạm Ngũ Lão, diện tích khoảng 2,5 ha, lãi hàng năm đạt khoảng 1 tỷ đồng; trang trại chăn nuôi chim bồ câu ông Nguyễn Quang Tùng xã Thọ Vinh,...

- Có 03 làng nghề (gồm: Làng nghề truyền thống rượu Trương Xá trên địa bàn xã Toàn Thắng; làng nghề truyền thống mây, tre, giang đan Quảng Lạc trên địa bàn xã Phú Thịnh và làng nghề truyền thống may ga, gối, rèm Cốc Khê trên địa bàn xã Phạm Ngũ Lão) với 472 hộ, 07 doanh nghiệp và 02 tổ hợp tác tham gia; thu nhập bình quân trong làng nghề đạt 54,4 triệu đồng/người/năm.

3.3. Cấp nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn và an toàn thực phẩm

Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%; tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch qua máy lọc nước RO và từ các công trình cấp nước tập trung đạt 82%.

- 100% các xã đã có điểm thu gom rác thải và tổ thu gom rác thải tại các thôn, xóm hiện đang hoạt động cho hiệu quả cao; Tập trung triển khai thu dọn rác thải sinh hoạt và phun thuốc xử lý tại các bãi rác trên địa bàn. Nhằm tạo cảnh quan môi trường tại nông thôn trong Quý 1 Hội phụ nữ huyện đã triển khai đến các Hội phụ nữ các xã thực hiện trồng hoa ven các tuyến đường giao thông nông thôn. Kết quả đã trồng mới được 03 đoạn đường hoa với chiều dài 2.100m. Tính đến thời điểm báo cáo, toàn huyện đã gắn biển được 117 đoạn đường Phụ nữ tự quản về VSMT, 147 đoạn đường hoa, chiều dài 53.250m (Trong đó 01 Đường hoa của huyện dài 5km). Mặt khác các xã đã thành lập và duy trì tốt hoạt động của các tổ thu gom rác thải, tổ dọn vệ sinh môi trường và các câu lạc bộ hạn chế sử dụng túi nilon; tiếp tục duy trì việc tổng vệ sinh môi trường vào trung tuần hàng tháng, tổ chức đăng ký xây dựng chi hội xanh – sạch – đẹp; tuyên truyền vận động hội viên trồng ít nhất 01 cây xanh tại gia đình nhằm tạo cảnh quan môi trường.

Chỉ đạo xây dựng Kế hoạch an toàn thực phẩm, kế hoạch kiểm tra công tác quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện năm 2021 và ban hành các văn bản chỉ đạo, tổ chức các đợt kiểm tra việc thực hiện an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện, đặc biệt vào các đợt cao điểm như; tết dương lịch, tết nguyên đán.

Tiếp tục chỉ đạo phòng chuyên môn phối hợp với chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản tiến hành kiểm tra an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và các chợ tại các xã, thị trấn trên địa bàn.

4. Về phát triển giáo dục và đào tạo

Toàn huyện hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3 và phổ cập giáo dục Trung học cơ sở mức độ 2, xóa mù chữ mức độ 2. Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp đạt 46%; trẻ mẫu giáo ra lớp đạt 99,5%; tỷ lệ tuyển sinh vào lớp 1 và lớp 6 đạt 100%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 99,59%.

Toàn huyện có 1.159 người, trong đó cán bộ quản lý 114 người (đạt chuẩn về trình độ đào tạo: 100%), giáo viên có 1.091 người (đạt chuẩn về trình độ đào tạo: 79,5%), nhân viên có 68 người (đạt chuẩn về trình độ đào tạo: 100%).

Công tác quản lý, đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh luôn được coi trọng và triển khai đồng bộ, hiệu quả. Chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn không ngừng được nâng lên.

5. Phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe cho dân cư nông thôn

Công tác tuyên truyền nhân dân tích cực tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện được các địa phương thường xuyên thực hiện, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện hết Quý 1/2021 đạt tỷ lệ 91,5%; không có xã nào trên địa bàn huyện có tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi trên 11,6%. Đảm bảo tốt công tác phòng chống dịch bệnh, đặc biệt là dịch sốt xuất huyết, phối hợp với các cơ quan hữu quan, ngành y tế đã tổ chức tốt các đợt thanh tra, kiểm tra việc buôn bán thuốc và việc thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện; thực hiện tốt các đợt tiêm chủng định kỳ và mở rộng cho trẻ em, công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân được chú trọng thực hiện và có những chuyển biến tích cực.

6. Xây dựng đời sống văn hóa

Công tác xây dựng gia đình văn hoá đã được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo và thực hiện có hiệu quả được nhân dân đồng tình hưởng ứng và tham gia thực hiện, đa số các gia đình đều thực hiện tốt các tiêu chí xây dựng gia đình văn hóa, có ý thức tự giác trong việc chấp hành các chủ trương của Đảng, pháp luật nhà nước; Ngành văn hóa thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn các xã quản lý tốt các di tích ở địa phương, hướng dẫn kiểm tra các hoạt động lễ hội gắn với di tích. Thiết chế văn hóa, thể thao đang từng bước được quan tâm đầu tư.

7. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và tiếp cận pháp luật, quốc phòng, an ninh được giữ vững

Hệ thống chính trị tại các xã thường xuyên được củng cố, kiện toàn, cơ bản đáp ứng được chức năng, nhiệm vụ trong khu vực nông thôn. Vai trò lãnh đạo của Đảng ủy; hiệu lực quản lý điều hành của chính quyền xã nhìn chung có hiệu quả; Mặt trận tổ quốc, hội cựu chiến binh, hội nông dân, hội phụ nữ, đoàn thanh niên đã thực hiện nhiều phong trào trong công tác xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm cho các hội viên. Dân chủ ở cơ sở tiếp tục được mở rộng; các cơ chế thực hiện dân chủ cơ sở tiếp tục được phát huy, góp phần tăng cường sức mạnh của hệ thống chính trị và ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân.

Về tiếp cận pháp luật: 100% các xã, thị trấn đã xây dựng, ban hành đầy đủ các chính sách pháp luật; chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân. Đồng thời tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, chính quyền các cấp và cơ quan, tổ chức, cá

nhân về vị trí, vai trò, ý nghĩa của xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thông qua nhiều hình thức đa dạng như tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh, lồng ghép tại các hội nghị, các cuộc họp giao ban... Đồng thời Lãnh đạo các xã, thị trấn cũng đã phân công các cán bộ chuyên môn theo dõi phụ trách các tiêu chí, chỉ tiêu để từ đó tổ chức thực hiện đầy đủ, đúng quy định pháp luật. Đến nay, 17 xã, thị trấn trên địa bàn huyện đã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo các tiêu chí quy định tại Quyết định 619/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 ban hành quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 của Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Lực lượng vũ trang huyện đã hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác quân sự - quốc phòng địa phương, trong đó có nhiều nhiệm vụ hoàn thành tốt như: Duy trì nghiêm các chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; tổ chức huấn luyện, hội thi, hội thao cho các lực lượng theo đúng kế hoạch, bảo đảm an toàn tuyệt đối; công tác xây dựng tổ chức cơ sở Đảng, tổ chức các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, chính sách hậu phương quân đội, đảm bảo hậu cần kỹ thuật cho nhiệm vụ huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu.

Tình hình an ninh – trật tự trên địa bàn huyện cơ bản ổn định. Lực lượng công an từ huyện đến xã làm tốt công tác nắm tình hình an ninh chính trị nội bộ, bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo trên địa bàn phục vụ đắc lực, có hiệu quả sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện.

8. Kết quả tổng hợp thực hiện theo Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 3202/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 và Quyết định 2160/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên;

Kết quả thực hiện 19 tiêu chí nông thôn mới Quý 1 năm 2021:

- Tiêu chí số 1 – Quy hoạch: 16/16 xã đạt.
- Tiêu chí số 2 – Giao thông: 16/16 xã đạt.
- Tiêu chí số 3 – Thủy lợi: 16/16 xã đạt.
- Tiêu chí số 4 – Điện: 16/16 xã đạt.
- Tiêu chí số 5 – Trường học: 16/16 xã đạt.
- Tiêu chí số 6 – Cơ sở vật chất văn hóa: 16/16 xã đạt.
- Tiêu chí số 7 – Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: 16/16 xã đạt
- Tiêu chí số 8 – Thông tin và truyền thông: 16/16 xã đạt.
- Tiêu chí số 9 – Nhà ở dân cư: 16/16 xã đạt.
- Tiêu chí số 10 – Thu nhập: 16/16 xã đạt.

- Tiêu chí số 11 – Hộ nghèo: 16/16 xã đạt.
- Tiêu chí số 12 – Lao động có việc làm: 16/16 xã đạt.
- Tiêu chí số 13 – Tổ chức sản xuất: 16/16 xã đạt.
- Tiêu chí số 14 – Giáo dục và Đào tạo: 16/16 xã đạt.
- Tiêu chí số 15 – Y tế: 16/16 xã đạt.
- Tiêu chí số 16 – Văn hóa: 16/16 xã đạt.
- Tiêu chí số 17 – Môi trường và An toàn thực phẩm: 16/16 xã đạt.
- Tiêu chí số 18 – Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật: 16/16 xã đạt.
- Tiêu chí số 19 – Quốc phòng và An ninh: 16/16 xã đạt.

Như vậy, tổng số tiêu chí toàn huyện Quý 1 năm 2021 vẫn duy trì là 304 tiêu chí, số tiêu chí đạt bình quân là 19 tiêu chí/xã. Trong đó có 57 tiêu chí đã đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao (03 xã). 09/09 tiêu chí của huyện vẫn duy trì và củng cố hoàn thiện hơn so với năm 2020.

2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Một số tồn tại, hạn chế

- Rà soát quy hoạch và thực hiện theo quy hoạch nông thôn mới còn hạn chế, nhất là quy hoạch sản xuất và thực hiện cấm mốc chỉ giới.
- Việc huy động nguồn lực, nhất là từ đất giãn dân 03ha, xử lý đất dôi dư còn chậm chưa đạt yêu cầu.
- Sản xuất vẫn còn nhỏ lẻ, manh mún, thị trường tiêu thụ sản phẩm còn bấp bênh, giá cả nông sản không ổn định, tình trạng được mùa mất giá vẫn còn xảy ra, việc liên kết tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế, chưa chặt chẽ, thiếu bền vững. Công tác chuyển đổi cây trồng còn chưa tập trung.
- Một số xã vẫn chưa xây dựng được khu chăn nuôi tập trung xa khu dân cư. Tình trạng chăn nuôi trong cư còn nhiều gây khó khăn trong công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi và tình trạng ô nhiễm môi trường do chất thải chăn nuôi ở một số địa phương.
- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn còn ít, chất lượng thấp, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao.
- Việc huy động nguồn vốn từ các Chương trình lồng ghép đối với cấp huyện và cấp xã không chủ động được.
- Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chưa chú trọng đầu tư vào cơ sở hạ tầng và phát triển sản xuất ở khu vực nông thôn.
- Nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới của các xã vẫn còn cao, nhất là các xã đã về đích.

- Một số bộ phận cấp ủy, chính quyền địa phương thiếu chủ động, sáng tạo trong quá trình tổ chức thực hiện; vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại cấp trên, nhất là trong bố trí nguồn lực cho chương trình.

2.2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

2.2.1. Nguyên nhân chủ quan

- Ngay từ đầu công tác quy hoạch và lập đề án xây dựng nông thôn mới của các xã chưa thực sự được quan tâm đúng mức, tính khả thi và hiệu quả còn thấp. Việc rà soát, điều chỉnh lại quy hoạch và thực hiện cắm mốc chỉ giới chưa được thực hiện kịp thời do thiếu kinh phí.

- Thủ tục xin bán đất theo cơ chế của tỉnh mỗi xã 03ha mất nhiều thời gian và các xã chưa thực sự chủ động, tích cực trong việc đấu giá đất giãn dân; công tác xử lý đất dôi dư chưa quyết liệt, minh bạch và rõ ràng.

- Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nhất là lao động trong lĩnh vực nông nghiệp chưa được quan tâm nhiều; Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa thực sự quan tâm, nhận thức của một bộ phận cán bộ đảng viên về nông thôn mới còn hạn chế;

- Các xã quản lý thực hiện đầu tư công chưa hợp lý dẫn tới nợ đọng xây dựng cơ bản tăng cao.

2.2.2. Nguyên nhân khách quan

- Một số xã có vị trí không thuận lợi nên việc bố trí đất giãn dân gặp khó khăn, khó bán; một số diện tích đất dôi dư không nằm trong bản đồ VLAP 2015 nên gặp khó khăn trong việc huy động nguồn lực.

- Sản xuất nông nghiệp có rủi ro cao nên hạn chế sự đầu tư của các doanh nghiệp vào nông nghiệp

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị UBND tỉnh:

- Tiếp tục tạo điều kiện để các xã thực hiện việc huy động nguồn vốn từ quỹ đất giãn dân 3ha để các xã có nguồn lực hoàn thiện và nâng cao các tiêu chí còn yếu; củng cố và hoàn thiện các tiêu chí trong giai đoạn mới.

- Hỗ trợ kinh phí cho huyện hoàn thành các tiêu chí còn yếu như hỗ trợ xây nhà thi đấu đa năng, sân vận động, tu sửa, nâng cấp các tuyến đường huyện quản lý.

- Có cơ chế chính sách giao ngân sách hoạt động riêng cho Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới cấp huyện và xã và hỗ trợ kinh phí cho cán bộ làm công tác nông thôn mới kiêm nhiệm ở cấp huyện, xã, thôn để động viên, tạo động lực trong công tác xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới Quý 1 năm 2021 của UBND huyện Kim Động. Kính mong nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc bố trí nguồn lực để hỗ trợ các xã thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Hưng Yên;
- VPĐP chương trình MTQG tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Thành viên BCĐ xây dựng NTM;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đình Quang Hào

Phụ lục số 01

**KẾT QUẢ TỔNG HỢP NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TOÀN HUYỆN QUÝ 1 NĂM 2021**

(Kèm theo Báo cáo số: *MA* /BC-UBND ngày *24* tháng 3 năm 2021 của UBND huyện Kim Động)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung chi tiêu	Kết quả
1	Vốn trực tiếp cho Chương trình nông thôn mới	44.792,115
1.1	Ngân sách trung ương	
1.2	Ngân sách tỉnh	4.318,022
1.3	Ngân sách huyện	6.698,5
1.4	Ngân sách xã	33.775,593
2	Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác	
3	Vốn huy động từ doanh nghiệp	1.500
4	Vốn huy động đóng góp của cộng đồng dân cư	65.267
5	Vốn tín dụng	12.500
Tổng số		124.059,115



TT	Nội dung thực hiện	Khối lượng đã thực hiện		Thực hiện quý 1 năm 2021 (triệu đồng)									
				Vốn ngân sách				Vốn dân	Doanh nghiệp	Tín dụng	Lồng ghép	Tổng	
		ĐVT	Kết quả	TW	Tỉnh	Huyện	Xã						
16	Đào tạo cho công chức xã	Số lượng		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
17	Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn		0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
18	Duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư trên địa bàn xã	CT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
19	Khác		-	-	830,522	-	3.994,093	507,000	-	12.500,000	-	-	17.831,615
19.1	Vốn huy động đóng góp của cộng đồng dân cư			-	-	-	-	56	-	-	-	-	56
-	Ngày công lao động	Công	130	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Quy đổi thành tiền	Tr.đ	56	-	-	-	-	56	-	-	-	-	56
-	Hiển đất (m ²)	m2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Quy đổi thành tiền	Tr.đ	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Số lượng vật tư (ghi cụ thể vật tư gì)	m3/m2/tấn	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Quy đổi thành tiền	Tr.đ	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
19.2	Đấu giá đất			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Tổng diện tích đấu giá được	m2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Tổng tiền thu được từ đấu giá đất	Tr.đ	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Tổng tiền nộp ngân sách (Sau khi trừ chi phí hạ tầng, chi khác theo quy định)	Tr.đ	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Tổng tiền xã được hưởng	Tr.đ	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
19.3	Xử lý đất dôi dư, xen kẹt			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Diện tích đất đã xử lý	m2	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Tổng tiền thu được	Tr.đ	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
19.4	Hỗ trợ khác			-	830,522	-	3.994	451	-	12.500	-	-	17.776
-	Hỗ trợ giống lúa, diệt chuột	Tr.đ	0	-	730,522	-	-	-	-	-	-	-	731
-	Hỗ trợ phối giống bò 3BBB	Tr.đ	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Vay vốn hỗ trợ sản xuất	Tr.đ	0	-	-	-	-	-	-	12.500	-	-	12.500
-	Hỗ trợ xe rác; san lấp, thu gom rác thải	Tr.đ	0	-	-	-	-	30	-	-	-	-	30
-	Xây dựng hạ tầng giao dân	Tr.đ	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Khác		23	-	100	-	3.994	421	-	-	-	-	4.515
TỔNG (I+II)				-	4.318,022	3.393,500	33.775,593	65.267,000	1.500,000	12.500,000	-	-	120.754,115

156